TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HN-ST
Ngày: 21/01/2026
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hồng Huệ, ông Tô Ngọc Liêm;

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 227/2025/TLST-HN ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 400/2025/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 398/2025/QĐST-HN, ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: ông Lê Văn V, sinh năm 1978, căn cước công dân số: 089078021077; địa chỉ: số nhà 376/A, tổ 16, ấp Long Bình, xã CM, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

2. *Bị đơn*: bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà 376/A, tổ 16, ấp Long Bình, xã CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc A do mai mối, tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã CM, tỉnh An Giang) vào ngày 28/7/2006. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi về vấn đề tiền bạc, vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà A; về con chung: có 01 con chung tên Lê Văn L, sinh ngày 10/05/2006 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt theo Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn V đối với bà Nguyễn Thị Ngọc A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Văn V khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà A có nơi cư trú ấp LB, xã CM, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Nguyên đơn ông Lê Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn V và bà A quen biết tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã CM, tỉnh An Giang) vào ngày 28/7/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà A là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông V cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi vấn đề tiền bạc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Ông xác định tình cảm không còn yêu cầu

được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc A. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc ông V khởi kiện yêu cầu ly hôn và thông báo đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông V, cũng như tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Trong thời gian ly thân vợ chồng không tới lui thăm nhau để hàn gắn tình cảm, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Mặc khác, ông V xác định không còn tình cảm với bà A nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Ông V xác định ông và bà A có 01 con chung tên Lê Văn L, sinh ngày 10/5/2006 đã thành niên không yêu cầu giải quyết nên Hội Đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ông Lê Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc A.

- Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Văn V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004636 do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - An Giang cấp ngày 15 tháng 10 năm 2025. Ông V đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị Ngọc A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11 - AG;
- Phòng THADS khu vực 11 - AG;
- UBND xã CM, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Dương